

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/HS-ST

Ngày: 11-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Giàu (Đoàn thanh niên)
Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên -
Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

CAO QUỐC N, sinh năm: 1983 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 42/4, Khu phố M, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Cao Hoàng A, sinh năm 1954, mẹ: Hồ Thị S, sinh năm 1958; Có vợ: Dương Thị Hồng L, sinh năm 1985; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án: không;

Tiền sự:

Tại Quyết định số 52/2018/QĐ-XPVPHC ngày 06/9/2018, đã bị Công an thị trấn Ba Tri ra quyết định xử phạt 750.000đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Tại Quyết định số 09/2019/QĐ-XPVPHC ngày 16/02/2019, đã bị Công an thị trấn Ba Tri ra quyết định xử phạt 1.000.000đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/8/2019.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Đại diện hợp pháp của bị cáo:*

- Ông Cao Hoàng A (cha bị cáo), sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Số 42/4, khu phố M, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bà Hồ Thị S (mẹ bị cáo), sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Số 42A, khu phố M, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Bà S ủy quyền cho ông A tham gia tố tụng tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng luật sư HN thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

** Người chứng kiến:*

- Ông Lê Thanh H, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Phòng số 05 Nhà trọ số 03, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số 13F, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 04/02/2019, lực lượng Cảnh sát 113 Công an tỉnh Bến Tre phát hiện bị cáo Cao Quốc N đang ở nhà trọ số 03, ấp An Thạnh A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố BT có biểu hiện “ngáo đá” nên thông báo cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố BT đến kiểm tra. Khi lực lượng Công an thành phố BT đến thì N đang tắm trong nhà vệ sinh phòng số 5 của nhà trọ số 03 do Lê Thanh H thuê ở. Qua kiểm tra, phát hiện trong túi bên phải quần sọt vải của bị cáo N đang treo trên vách tường trong nhà vệ sinh có 02 túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong mỗi túi nylon đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy và N khai nhận đó là ma túy đá của N cất giấu để sử dụng nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ: 02 túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong mỗi túi nylon đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi tên Cao Quốc N, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thanh T và đóng dấu mộc tròn màu đỏ của Công an xã Mỹ Thạnh An, thành phố BT).

Qua làm việc, bị cáo N khai nhận: 02 túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong mỗi túi nylon đều có chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá của bị cáo. Bị cáo có được là do vào chiều ngày 03/02/2019, bị cáo đưa cho một người bạn tên M (không rõ họ, địa chỉ) 600.000 đồng nhờ mua dùm để sử dụng. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày thì M đem đến phòng trọ số 9 đưa cho bị cáo 02 túi nylon hàn kín bên trong đều có chứa ma túy; bị cáo lấy một ít ma túy ra sử dụng rồi hàn kín trở lại, sau đó cất 02 túi ma túy vào trong túi quần sọt phía trước bên phải đang mặc. Đến khoảng

8 giờ ngày 04/02/2019, bị cáo qua phòng số 5 của H đang thuê ở rồi vào nhà vệ sinh của phòng số 5 cởi quần áo ra treo trên vách tường để tắm thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật như trên.

Theo Kết luận giám định số 22/2019/GĐMT ngày 27/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2824 gam;

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 404/KL-VPYTW ngày 23/7/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đối với Cao Quốc N kết luận:

- Về y học:

+ Trước và trong khi gây án: Đang sự bị bệnh Hội chứng nghiện chất kích thích/Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F15.2/F07.8 - ICD.10).

+ Sau khi gây án: Đang sự bị bệnh Rối loạn loạn thần do sử dụng chất kích thích/Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F15.5 - ICD.10).

+ Hiện nay: Đang sự bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8 – ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKSTPBT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Cao Quốc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2018 và năm 2019, nay lại có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Tuy nhiên, do bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Cao Quốc N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

Bị cáo Cao Quốc N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa những người chứng kiến ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của những người chứng kiến không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người chứng kiến theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo Cao Quốc N có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, lời khai của chứng kiến, phù hợp với kết luận giám định 22/2019/GĐMT ngày 27/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 8 giờ ngày 04/02/2019, tại nhà trọ số 03, ấp An Thạnh A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Cao Quốc N có hành vi tàng trữ trái phép 0,2824 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

[4] Bị cáo N là người bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi một phần do sử dụng chất kích thích nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, đồng thời có nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, Bản cáo trạng số 79 ngày 12/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Cao Quốc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên về nhân thân, bị cáo có 02 tiền sự, năm 2018 và năm 2019, đã bị Công an thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xử phạt về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[6] Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình do sử dụng ma túy nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo đang nuôi 03 con còn nhỏ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để nhằm cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố. Bị cáo là người nghiện ma túy, đã mua ma túy về sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Qua kết luận giám định, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát. Về hình phạt đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì số 22/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Phan Nghĩa T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre (đựng chất ma túy còn lại sau giám định) là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với đối tượng tên M do không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Cao Quốc N phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Quốc N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Cao Quốc N: 01(một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì số 22/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung T, Phan Nghĩa T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre (đựng chất ma túy còn lại sau giám định).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2019, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Cao Quốc N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra CATP BT (1b);
- Cơ quan THAHS CATP BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn Ba Tri; h.Ba Tri(1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

